

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 621/2026/LHST ngày 11 tháng 5 năm 2026 về "Xin ly hôn" giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1990;

- **Bị đơn:** Anh Bành Đức H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Khu X3 số 105 DKT, tổ 19 phường PD, Thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H kết hôn vào ngày 23/7/2015 tại UBND phường HB, quận HK, Thành phố HN trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H xác định tình cảm không còn, vì vậy anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định lại cuộc sống.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H có 02 con chung là cháu Bành Nhã U (nữ), sinh ngày 02/8/2017 và cháu Bành An N (nữ), sinh ngày 24/12/2015. Ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bành Nhã U và cháu Bành An N. Về cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Bành Đức H cấp dưỡng nuôi con, anh Bành Đức H đồng ý.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Bành Đức H đồng ý để chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H có 02 con chung là cháu Bành Nhã U (nữ), sinh ngày 02/8/2017 và cháu Bành An N (nữ), sinh ngày 24/12/2015. Giao cháu Bành Nhã U và cháu Bành An N cho chị Nguyễn Thị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Bành Đức H cho đến khi có yêu cầu hoặc bên có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bành Đức H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Hà Nội (Biên lai thu số 0011016 ngày 08/5/2026) nay được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 4 – Hà Nội;
- Dương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn